

Bản án số: 05/2019/HNGĐ- ST
Ngày 17 - 5 - 2019
V/v Ly hôn giữa anh SN và chị
Tg.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bồng
2. Bà Đặng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết Sơn đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn SN, sinh năm 1964; nơi cư trú: Bản ĐM 1, xã N P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Tg, sinh năm 1963; nơi cư trú: Bản MS, xã N P, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Văn SN trình bày: Anh SN và chị Tg xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1982, trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã Nam Phong cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 20/5/1984. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Anh SN thấy rằng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, không thể giải hoà, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tg. Về con chung, anh SN, chị Tg sinh được ba người con chung. Các cháu đều đã thành niên và đã lập gia đình riêng. Về tài sản chung, tài sản riêng anh SN không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn là chị Đinh Thị Tg thống nhất với lời khai của anh SN về quan hệ hôn nhân cũng như về thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, chị Tg cho rằng do anh SN có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị không đồng ý ly hôn do chị vẫn còn tình cảm với anh SN. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung, chị Tg xác nhận lời trình bày của anh SN là đúng, chị Tg không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa. Về tố tụng, Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung, đề nghị áp dụng các Điều 17, 18, 19, 21, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Bùi Văn SN được ly hôn chị Đinh Thị Tg. Về án phí, anh SN phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn SN và chị Đinh Thị Tg là vợ chồng hợp pháp. Nguyên đơn là anh Bùi Văn SN yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với vợ là chị Đinh Thị Tg. Do vậy, quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên.

Sau khi tiến hành hòa giải giữa các đương sự không thành, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử công khai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX – ST ngày 06 tháng 5 năm 2019.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, anh Bùi Văn SN và chị Đinh Thị Tg xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn SN và chị Đinh Thị Tg được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 20 tháng 5 năm 1984 (ngày đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống giữa vợ và chồng có nhiều khác biệt, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã lâu nhưng cả chị Tg và anh SN đều không có giải pháp phù hợp để hàn gắn mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Hiện nay chị Tg và anh SN đã sống ly thân mỗi người một nơi, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tình trạng hôn nhân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh SN.

Về tài sản chung, tài sản riêng anh SN và chị Tg không yêu cầu giải quyết; vợ chồng không có nợ chung, con chung đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 17, 18, 19, 21, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Văn SN và chị Đinh Thị Tg.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn SN phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí anh SN đã nộp theo biên lai thu số: 2846 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Anh Bùi Văn SN đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Nam Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tân Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

